

TÀI HAY CHỮ CỦA CỤ HUYỆN LÊ

NGUYỄN KHOA HỌC

Cụ Huyện Lê tên thật là Lê Văn Diễm quê ở thôn Lộc An, xã An Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Cụ là con út quan Tư nghiệp Quốc Tử giám Lê Văn Hy dưới triều Tự Đức đã từng đỗ đầu khoa thi Hương năm Đinh Dậu (1897) và nổi tiếng là người ngay thẳng, cương trực, ghét bọn tham quan vô lại cùng lũ thực dân xâm lược.

Triều đình bổ nhiệm cụ làm quan Huấn đạo huyện Do Linh (tỉnh Quảng Trị). Ở đây, cụ có bài thơ tự vịnh đả kích quan Kiểm học Quảng Trị ăn đút lót của học trò khi ông này làm chánh chủ khảo kỳ thi. Bài thơ của cụ như sau:

Huấn huyện Do tự vịnh
Phách láo ai bằng Huấn huyện Do
Điều chi điều náy cũng hay ho
Toán lai tâm sự to hơn tếp
Nghĩ lại văn chương dốt quá bò.
Xó bếp mặc thay quân chó rét
Cối xay ăn vắn mặc gà cồ
Năm ba chén rượu mà chơi vậy
Đéo chị thằng ăn bạc học trò.

Quan Kiểm học nóng mặt báo cáo sự việc lên tỉnh trưởng. Quan tỉnh triệu cụ lên hỏi tội. Cụ thưa: Bẩm ngài! Đó là bài thơ tôi tự vịnh có can hệ gì đến ai.

Năm 1910, cụ được thăng chức Tri huyện Do Linh. Trước khi đưa dân lên tỉnh khiếu nại về sưu cao thuế nặng, cụ viết lên cổng huyện nhà mấy câu:

Cu - li quân hề cu - li thần!

Cu - li quan hề! cu - li dân!

Cu - li phụ hề! cu - li tử!

(Nghĩa là từ vua, quan đến dân đều là nô lệ).

Hồi ấy, trước cổng huyện đường nơi cụ đứng đầu có hai vợ chồng người Hoa kiều bán cơm gọi là chú thím Tài. Thím Tài đẹp người ăn nói có duyên nên bán cơm rất ăn khách. Thầy Lại ở huyện đường có nhà gần đấy nhưng muốn “ăn cơm khách” cho “lạ miệng”.

Khi “cá đã cắn câu” chú Tài không dám đôi co với thầy Lại sợ “Miệng kẻ quan có gang có thép” nên lặng lẽ đưa vợ đi nơi khác sinh sống. Chuyện đến tai, cụ Huyện mời thầy Lại đến răn đe kèm theo hai câu đối hóm hỉnh sử dụng biện pháp chơi chữ tài tình:

“Chú Tài mà thím cũng tài, tôi chú thức thím tài rằng được.

Thầy Lại mà tui (tôi) chưa lại, mai tui (tôi) về thầy lại với ai”.

Năm ấy, ở làng An Nha, huyện Do Linh có hai người đưa đơn tố giác lý trưởng cho lậu đinh trốn sưu thuế. Biết lý trưởng có lòng thương kẻ cùng đinh không có tiền nộp sưu nên đã dấu kín. Không ngờ hai vị kia lại phát giác. Thông cảm việc làm của lý trưởng, cụ quát người khởi kiện: Hai ông không biết dân cùng đinh hay sao mà còn moi móc làm chi cho thêm khổ?

Vừa nói, cụ vừa phê vào lá đơn:

“Kiện cáo a hành ba đũa đại

Cum cò ỏm tôi mấy thằng ranh

Ấm Tân sao khéo bày mưu mẹo
Khóa Mậu can gì gác lậu đình”.

Những lần trước, cụ làm thơ chống Pháp, đã kích quan lại tham nhũng nhưng không có chứng cứ rõ ràng. Lần này, Ấm Tân, Khóa Mậu vác đơn kiện có lời phê của cụ lên tòa khâm sứ cùng tuần phủ nên cụ bị cất chức là điều dễ hiểu. Rũ áo quan, cụ về quê mở trường dạy học. Biết thầy hay chữ nên học trò quanh vùng tìm đến cụ rất đông. Trong số đó có người học trò xuất sắc Nguyễn Đăng Cự ở mãi tận Phù Chánh (Hưng Thủy) sau này thi đỗ phó bảng nổi tiếng một thời.

Một buổi chiều mát mẻ, cụ Diễn dẫn học trò đi văn cảnh. Ngang qua chiếc cổng đá còn xây dở, để thử tài môn sinh, cụ ra vế đối: “Cổng cả đá, cả cả đồng”.

Đám học trò vắt óc suy nghĩ nhưng chưa có ai đối được. Cậu trò nhỏ Nguyễn Đăng Cự chợt thấy lũ chim sẻ bay loạn xạ. Ngẫu hứng, cậu xin phép thầy được đối:

“Chiều thiệt dim, chim thiệt nhiều” (dim: râm mát)

Cụ khen: “Vế đối của con khá chuẩn đạt cả

ý lẫn lời ắt sau này, con sẽ làm nên nghiệp lớn”.

Nhân dân làng Lộc An, xã An Thủy, huyện Lệ Thủy còn truyền tụng hai câu đối của cụ viết trong một đám cưới tại làng. Nhân dịp đầu xuân, hai gia đình tổ chức đám cưới cho anh Đình và chị Cái. Biết cụ Huyện hay chữ nên cả hai mời cụ đến xin câu đối. Nhấp chén rượu mừng, cụ chấp bút viết luôn:

“Phận con cái phải rằng chịu rúa, tráp nhà ngã nôóc ấy thôi thôi

Lời sắt đing trước cũng như sau, gần ngo xó cưới ở phải phải”.

Những người có mặt phải thốt lên: “Hay! hay thật!”. Ở đây, cụ sử dụng biện pháp chơi chữ tài tình, tên cô dâu “Cái” đổi lại tên chú rể “Đình” gắn với duyên phận cùng lời thề thốt. Cái tài của cụ còn biểu hiện ở cách vận dụng thành ngữ vào câu đối: “Tráp nhà ngã nôóc”, “Gần ngo xó cưới”. Phải là người học rộng hiểu nhiều, kiến thức uyên thâm mới đưa được lời ăn tiếng nói của quần chúng vào hai vế đối một cách nhuần nhuyễn nói lên được nỗi lòng của một cặp gái trai ngày xưa trong xã hội phong kiến ■

***Xuân NHẬT LỆ, Xuân sáng đẹp mặt trời, mời mặc khách tao nhân mang hương sắc
nơi nơi về NHẬT LỆ phun châu nhả ngọc***

***Tết LINH GIANG, Tết hồn thiêng sông nước, đón nhạc công , ca sỹ góp tình hoa
xứ xứ đến LINH GIANG sánh phượng, cưới rồng.***

HOÀNG BÌNH TRỌNG